

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN LÃNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 66/2024/HNGĐ-ST

Ngày 30-9-2024

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LÃNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tiến;

Ông Nguyễn Hữu Bình.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị N Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Văn Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 108/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đặng Thị X, sinh năm 19xx, nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Vũ Văn H, sinh năm 19xx, nơi đăng ký HKTT: Thôn T, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng; hiện đang chấp hành án phạt tù tại phân trại 5 Trại giam T, địa chỉ: Huyện N, tỉnh T; vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn (chị Đặng Thị X) trình bày: Chị X và anh Vũ Văn H tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tiên Lãng ngày 13/6/1998. Anh chị sống hoà thuận được khoảng 10 năm thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau. Do mâu thuẫn căng thẳng nên năm 2019 anh chị đã sống ly thân, không quan tâm nhau. Năm 2020 anh H phạm tội và hiện đang chấp hành án phạt tù tại phân trại 5, Trại giam T. Xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể đoàn tụ, chị X yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh H. Anh chị có 03 con chung là Vũ Thị Thuý D, sinh ngày 29/01/1999; Vũ Hoài N, sinh ngày 15/10/2003 và Vũ Minh T, sinh ngày

28/12/2011. Con D và N hiện đã thành niên, không phải nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị X đề nghị Tòa án giao con Minh T cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung.

Tại lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn (anh Vũ Văn H) trình bày: Xác nhận các thông tin về thời gian kết hôn, con chung giữa anh và chị X. Trong thời gian chung sống, giữa anh và chị X có xảy ra mâu thuẫn, xích mích do anh gặp áp lực công việc, nóng tính. Tuy nhiên anh cho rằng đó là những mâu thuẫn nhỏ, không đáng để phải ly hôn. Năm 2020 anh phạm tội và phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam Thanh Phong. Giai đoạn đầu, chị X có đến thăm gặp anh nhưng từ giữa năm 2023 đến nay, chị X không còn liên lạc với anh nữa. Anh H không đồng ý ly hôn, mong muốn chị X rút đơn để vợ chồng đoàn tụ. Trường hợp chị X giữ quan điểm muốn ly hôn, anh H đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật và giao con Vũ Minh T, sinh ngày 28/12/2011 cho chị X nuôi dưỡng; anh không yêu cầu Tòa án giải quyết về việc cấp dưỡng cho con và tài sản chung. Do anh đang chấp hành án phạt tù nên đề nghị Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt anh.

Tài liệu xác minh tại địa phương thể hiện: Chị X và anh H tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 1998 và chung sống hoà thuận được khoảng 10 năm. Sau đó do anh H nghiện ma túy nên vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau. Từ năm 2020 đến nay, anh H bị bắt và phải chấp hành án phạt tù tại Trại giam T, địa chỉ: Huyện N, tỉnh T. Anh chị có 03 con chung như nguyên đơn khai. Con D và con N đã thành niên, không phải nuôi dưỡng; con T hiện đang sống cùng chị X, do chị X nuôi dưỡng, chăm sóc tốt.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện cơ bản đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật của vụ án là về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

Về hôn nhân, mâu thuẫn tình cảm giữa chị X và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm Điều 19, Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị X, xử cho chị X được ly hôn anh H; giao con chung Vũ Minh T, sinh ngày 28/12/2011 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng cho con và tài sản chung do đương sự không yêu cầu. Các con Vũ Thị Thuỳ D, sinh ngày 29/01/1999; Vũ Hoài N, sinh ngày 15/10/2003 đã thành niên, không phải nuôi dưỡng nên Tòa án không xem xét giải quyết. Chị X là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm; chị X, anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Chị Đặng Thị X khởi kiện về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh Vũ Văn H tại Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng. Bị đơn là anh Vũ Văn H đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện Tiên Lãng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng.

[2] Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị X và anh H.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị X và anh Vũ Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện Tiên Lãng ngày 13/6/1998 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Lời khai của các đương sự phù hợp với các tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Trong thời gian chung sống, chị X và anh H có xảy ra mâu thuẫn do anh H nghiện ma túy, đánh đập vợ con. Mặc dù anh H cho rằng những mâu thuẫn giữa anh chị nhỏ nhặt, không đáng để phải ly hôn nhưng xác nhận từ giữa năm 2023 đến nay chị X không còn liên lạc với anh; chị X giữ quan điểm xin ly hôn anh H. Do đó đủ căn cứ xác định tình trạng vợ chồng chị X và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; yêu cầu ly hôn của chị X là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận, xử cho chị X được ly hôn anh H.

[4] Về con chung: Anh H và chị X có 03 con chung là Vũ Thị Thuỳ D, sinh ngày 29/01/1999; Vũ Hoài N, sinh ngày 15/10/2003 và Vũ Minh T, sinh ngày 28/12/2011. Các con D và N đã thành niên, không phải nuôi dưỡng; các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết. Khi ly hôn chị X đề nghị Tòa án giao con Minh T cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, anh X đồng ý. Xét thấy, chị X làm công nhân có thu nhập và nơi ở ổn định, đủ điều kiện nhận trực tiếp nuôi con; anh H là người đang chấp hành án phạt tù, không đủ điều kiện để trực tiếp nuôi con; quá trình giải quyết vụ án các đương sự đã thống nhất, thoả thuận được với nhau về người trực tiếp nuôi con khi ly hôn, sự thoả thuận này của các đương sự không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật; phù hợp với nguyện vọng của con nên cần ghi nhận sự thoả thuận này. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao con Vũ Minh T, sinh ngày 28/12/2011 cho chị X trực tiếp nuôi dưỡng. Thời hạn nuôi con kể từ ngày 30/9/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về nghĩa

vụ cấp dưỡng cho con, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; xét thấy quyền lợi của con vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị X và anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Chị X là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị X và anh H có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban TH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị X:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử, chị Đặng Thị X được ly hôn anh Vũ Văn H.

2. Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị X trực tiếp nuôi dưỡng con Vũ Minh T, sinh ngày 28/12/2011. Không giải quyết việc cấp dưỡng cho con do chị X và anh H không yêu cầu. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 30/9/2024 cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Các con chung Vũ Thị Thuỳ D, sinh ngày 29/01/1999 và Vũ Hoài N, sinh ngày 15/10/2003 đều đã thành niên, không phải nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị X và anh H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng. Chị X đã nộp đủ 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009056 ngày 28 tháng 6 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Lãng.

Chị X và anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận

được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Tiên Lãng;
- Chi cục THADS huyện Tiên Lãng;
- UBND xã Nam Hưng (ĐKKH năm 1998);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Huyền Trang